

Bản án số: **66/2022/HS-PT**
Ngày: 16/8/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hùng Nuôi;

Ông Nguyễn Hoàng Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 16/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 63/2022/TLPT-HS ngày 27/6/2022 đối với các bị cáo Trịnh Hữu S, Đặng Ngọc D do có kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố S và kháng cáo của các bị cáo S, D đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2022/HS-ST ngày 19/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:

1. **Trịnh Hữu S;** Sinh ngày 11/11/1978; Nơi sinh: Thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Số D, đường P, Khóm Đ, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Buôn bán tạp hóa; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trịnh Ngọc L và bà Quách Thị N; Có vợ tên Đặng Ngọc D, sinh năm 1976 và 02 người con, người con lớn sinh năm 2000, người con nhỏ sinh năm 2003; Tiền án: Không; Tiền sự: Có 01 tiền sự, ngày 17/12/2019 bị Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng xử phạt 85.000.000 đồng về hành vi “Tàng trữ hàng cấm là thuốc lá điều nhập lậu” theo Quyết định số 64/QĐ-XPVPHC, bị cáo chưa nộp phạt nên lần phạm tội này chưa được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; Về nhân thân: Ngày 10/10/2013, bị Phòng Cảnh sát Điều tra tội phạm về Trật tự Quản lý Kinh tế và Chức vụ - Công an tỉnh Sóc Trăng xử phạt 15.000.000 đồng về hành vi “Buôn bán thuốc lá điều ngoại nhập lậu: theo Quyết định số 02/QĐ-XPVPHC, bị cáo đã nộp phạt xong đến lần phạm tội này được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành

chính; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/6/2021 sau đó chuyển tạm giam cho đến nay; (có mặt)

2. Đặng Ngọc D; Sinh ngày 18/8/1976; Nơi sinh: MX, Sóc Trăng; Nơi cư trú: Số D, đường P, Khóm Đ, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Văn N và bà Nguyễn Thị Điều D; Có chồng tên Trịnh Hữu S, sinh năm 1978 và 02 người con, người con lớn sinh năm 2000, người con nhỏ sinh năm 2003; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Về nhân thân: Ngày 04/10/2013, bị Công an thành phố S, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 600.000 đồng về hành vi “Mua bán hàng cấm” theo Quyết định số 23/QĐ-XPVPHC, bị cáo đã nộp phạt xong đến lần phạm tội này được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/6/2021 sau đó chuyển tạm giam cho đến nay; (có mặt)

- *Những người không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập gồm:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Thị Điều D1, ông Phạm Văn P; Người làm chứng Đỗ Trung H, Nguyễn Thị Ngọc S1, Đặng Thị Phương TH và Đặng Ngọc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Ngọc D và Trịnh Hữu S là vợ chồng, cùng kinh doanh buôn bán tạp hóa tại số F đường H, Khóm A, Phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Trong quá trình hoạt động kinh doanh buôn bán tạp hóa, S và D thấy việc buôn bán thuốc lá điều nhập lậu thu được lợi nhuận cao nên đã cùng với nhau mua thuốc lá điều nhập lậu của người khác về cất giấu tại các căn nhà do S và D quản lý sử dụng để bán lại cho người khác thu lợi, cụ thể như sau:

Vào ngày 14/6/2021, D mua 880 bao thuốc lá điều nhập lậu nhãn hiệu 555 của một người đàn ông (nhưng không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể), người này mang đến nhà của S và D tại số 42/40 đường P, Khóm F, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Số tiền S và D trả khi mua 880 bao thuốc lá là 8.800.000 đồng. Khi mua thuốc lá điều nhập lậu, D là người chi trả tiền còn S là người đưa toàn bộ thuốc lá trên vào bên trong căn nhà số D đường P, Khóm F, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng do S và D quản lý, sử dụng để cất giấu.

Vào ngày 16/6/2021, S mua 4.427 bao thuốc lá điều nhập lậu của một người đàn ông (nhưng không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể) với số tiền khoảng 100.000.000 đồng (trong đó bao gồm 360 bao nhãn hiệu Jet, 170 bao nhãn hiệu 555, 80 bao nhãn hiệu Jet vàng, 30 bao nhãn hiệu Esse Change, 90 nhãn hiệu Esse Golden Leaf, 210 bao nhãn hiệu Esse Menthol, 200 bao nhãn hiệu Esse Lights, 50 bao nhãn hiệu Esse Classic, 92 bao nhãn hiệu Nelson, 90 bao nhãn hiệu Zouk, 10 bao nhãn hiệu Mond, 40 bao nhãn hiệu Esse có hình cây tre, 70 bao nhãn hiệu Forte, 190 bao nhãn hiệu Chapman Cherry, 130 bao nhãn hiệu Craven “A”, 05 bao nhãn hiệu Tycoon, 410 nhãn hiệu Chapman Classic, 10 bao

nhãn hiệu Capri, 20 bao nhãn hiệu Mond Strawberry, 610 bao nhãn hiệu Mond màu tím, 140 bao nhãn hiệu Canyon, 140 bao nhãn hiệu 555 Blend Mandarin, 200 bao nhãn hiệu 555 Blend Gold, 190 nhãn hiệu 555 Blend Signature, 20 bao nhãn hiệu Mond màu xanh đen, 20 bao nhãn hiệu Mond Dual Burst màu xanh dương, 40 bao nhãn hiệu Mond màu đỏ, 10 bao nhãn hiệu King Edward, 10 bao nhãn hiệu Mond Grape, 70 bao nhãn hiệu Dunhill, 130 bao nhãn hiệu Captain Black, 30 bao nhãn hiệu Double Vanilla, 30 bao nhãn hiệu Double Black, 100 bao nhãn hiệu Mond màu vàng, 30 bao nhãn hiệu Double Vanilla, 30 bao nhãn hiệu Double Black, 100 bao nhãn hiệu Mond màu vàng, 30 bao nhãn hiệu Mond màu xanh, 250 bao nhãn hiệu Hero, 150 bao nhãn hiệu Scott). Khi mua thuốc lá điều nhập lậu, D là người chi trả tiền, còn S là người đưa toàn bộ thuốc lá trên vào bên trong căn nhà số B đường P, Khóm F, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng do S và D quản lý, sử dụng để cất giấu.

Vào khoảng 03 giờ 10 phút ngày 19/6/2021, Đỗ Trung H vận chuyển một khênh nhựa, bên trong chứa 650 bao thuốc lá điều nhập lậu gồm: 250 bao thuốc lá nhãn hiệu Jet, 400 bao thuốc lá nhãn hiệu Hero bằng xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số 65B1-331.90 từ bến xe 91B, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ về giao cho S và D. Khi đến thành phố S, Hiếu được một người tên M (nhưng không rõ địa chỉ cụ thể) dẫn đường đến nhà số B đường P, Khóm F, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Khi H đến trước cửa nhà thì D là người ra mở cửa để cho H mang khênh nhựa chứa thuốc lá vào, sau đó H và D mang thuốc lá ra để kiểm đếm thì bị lực lượng Công an phát hiện. Lúc này, D hướng dẫn cho H chạy thoát khỏi hiện trường theo đường mương thoát nước phía sau nhà, nhưng sau đó bị lực lượng chức năng phát hiện bắt giữ H, S và D cùng vật chứng. Đây là số thuốc lá mà S và D mua của một người phụ nữ tên là BT (nhưng không rõ địa chỉ cụ thể) ở thành phố Cần Thơ vào ngày 18/6/2021, sau đó người phụ nữ này thuê H vận chuyển từ thành phố Cần Thơ về giao cho S và D tại thành phố S, số tiền công H được nhận khi vận chuyển thuốc lá là 300.000 đồng. Quá trình bắt quả tang, lực lượng chức năng phát hiện và thu giữ thêm 700 bao thuốc lá nhập lậu (250 bao thuốc lá hiệu Jet, 450 bao thuốc lá hiệu Hero), tại khu vực phía sau căn nhà số 42/40 đường P, Khóm F, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng đây là số thuốc lá do một người đàn ông (nhưng không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể) giao cho S, D trước khi H giao cho S, D và người đàn ông này đã chạy thoát trước khi bị lực lượng chức năng kiểm tra căn nhà số 42/40 đường P, Khóm F, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Tất cả số thuốc lá này là do S và D mua về cất giấu để bán lại cho người khác thu lợi.

Nghi vấn người đàn ông đã chạy thoát khỏi hiện trường có mang theo thuốc lá điều nhập lậu để cất giấu tại địa điểm khác nên lực lượng chức năng đã tiến hành kiểm tra hành chính căn nhà số B đường P, Khóm F, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng do Nguyễn Thị Ngọc S1 quản lý, sử dụng. Qua kiểm tra, lực lượng chức năng phát hiện và thu giữ 490 bao thuốc lá điều nhập lậu gồm 290 bao thuốc lá nhãn hiệu Hero, 200 bao thuốc lá nhãn hiệu Scott.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2022/HS-ST ngày 19/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

- Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 190; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trịnh Hữu S.

- Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 190; điểm h, s, r khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Đặng Ngọc D.

- Tuyên bố các bị cáo Trịnh Hữu S, Đặng Ngọc D phạm tội “Buôn bán hàng cấm”.

- Xử phạt bị cáo Trịnh Hữu S 08 (tám) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 19/6/2021.

- Xử phạt bị cáo Đặng Ngọc D 06 (sáu) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 19/6/2021.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo, người tham gia tố tụng khác.

* Ngày 02/6/2022, các bị cáo Trịnh Hữu S, Đặng Ngọc D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

* Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-VKS-TPST ngày 02/6/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố S đã kháng nghị đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2022/HS-ST ngày 19/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng căn cứ điểm a khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trịnh Hữu S; không áp dụng điểm h, r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Đặng Ngọc D và tăng hình phạt đối với 02 bị cáo.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Trịnh Hữu S giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, với lý do: Hình phạt 08 năm tù là quá cao so với hành vi của bị cáo; bị cáo là lao động chính; cả hai vợ chồng bị cáo đều bị xử phạt tù nên không còn ai lo cho con.

- Bị cáo Đặng Ngọc D giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, với lý do: Hình phạt đối với bị cáo là quá cao; bị cáo là trụ cột trong gia đình; bị cáo còn cha mẹ già và con đang ở tuổi đi học.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng rút một phần quyết định kháng nghị đối với việc tăng hình phạt đối với 02 bị cáo và không áp dụng điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo D. Căn cứ Điều 342, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo, quyết định kháng nghị và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-VKS-TPST ngày 02/6/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố S được chuyển đến Tòa án cấp sơ thẩm vào ngày 02/6/2022 là đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn kháng nghị, nội dung kháng nghị theo quy định tại các điều 336 và 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021). Xét đơn kháng cáo của bị cáo Trịnh Hữu S lập, được Trại Tạm giam - Công an tỉnh Sóc Trăng xác nhận và nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm vào ngày 02/6/2022; đơn kháng cáo của bị cáo Đặng Ngọc D lập, được Đội cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp - Công an thành phố S xác nhận và nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm vào ngày 02/6/2022 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021). Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố S và nội dung kháng cáo của các bị cáo về việc xin giảm nhẹ hình phạt theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời khai nhận của các bị cáo, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 14/6/2021 đến ngày 19/6/2021, các bị cáo Trịnh Hữu S và Đặng Ngọc D là vợ chồng, cùng kinh doanh buôn bán tạp hóa tại số 06, đường H, Khóm A, Phường A, thành phố S đã cùng thống nhất mua thuốc lá điều nhập lậu bán cho người khác để thu lời. Qua kiểm tra thu giữ tại các căn nhà số B, D và B, đường P, Khóm F, Phường C, thành phố S thu giữ được 6.657 bao thuốc lá điều nhập lậu, không có giấy tờ, hóa đơn chứng minh nguồn gốc xuất xứ hợp pháp gồm các nhãn hiệu Jet, Jet nhãn vàng, 555, Esse Change, Esse Golden Leaf, Esse Menthol, Esse Lights, Esse Classic, Nelson, Zoukm, Mond, Esse có hình cây tre, Forte, Chapman Cherry, Craven “A”, Tycoon, Chapman Classic, Capri, Mond Strawberry, Mond màu tím, Canyon, Blend Mandarin, Blend Gold, Blend Signature, Mond màu xanh đen, Mond Dual Burst màu xanh dương, Mond màu đỏ, King Edward, Mond Grape, Dunhill, Captain Black, Double Vanilla, Double Black, Mond màu vàng, Mond màu xanh, Hero, Scott. Với hành vi và hậu quả của các bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận các bị cáo Trịnh Hữu S, Đặng Ngọc D phạm tội “Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 190 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét việc rút một phần kháng nghị của Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng rút một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-VKS-TPST ngày 02/6/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố S theo quy định tại khoản 1 Điều 342; khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021). Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần kháng nghị đã rút.

[4] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, về việc không áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo Trịnh Hữu S, Đặng Ngọc D, Hội đồng xét xử nhận thấy: Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm, tội phạm do các bị cáo thực hiện xâm phạm chế độ độc quyền của Nhà nước trong quản lý, sản xuất, kinh doanh các loại hàng ngoại nhập, xâm phạm đến lợi ích của người tiêu dùng, quyền được bảo hộ về kinh doanh đúng đắn của các doanh nghiệp, của nhà sản xuất nên không thuộc trường hợp “Chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn”. Tuy nhiên, việc cấp sơ thẩm nhận định, *“mặc dù các bị cáo có hành vi mua thuốc lá điều nhập lậu cất giấu nhằm mục đích bán lại để thu lợi nhưng chưa bán ra thị trường nên hành vi của các bị cáo chưa xác định rõ được thiệt hại thực tế cho nền kinh tế của địa phương hay của các cơ sở sản xuất mua bán thuốc lá điều trong nước, chưa làm mất nguồn thu Ngân sách Nhà nước, mất bình ổn thị trường thuốc lá trong nước cũng như chưa làm ảnh hưởng đến sức khỏe cho người tiêu dùng nên áp dụng nguyên tắc có lợi cho các bị cáo là phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại”* là sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật về quyết định hình phạt. Bởi lẽ, các loại thuốc lá do nước ngoài sản xuất khi nhập khẩu vào thị trường trong nước phải được khai báo và phải nộp khoản thuế, phí, nhưng khi nhập lậu thì không phải nộp khoản thuế, phí này nên hành vi của các bị cáo gây thất thu thuế cho ngân sách Nhà nước, tạo môi trường cạnh tranh không lành mạnh và loại tội phạm này được Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định thuộc các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế. Do đó, cấp sơ thẩm áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo là không chính xác. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận phần kháng nghị này của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố S và cấp phúc thẩm nêu lên để cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[5] Xét kháng cáo của các bị cáo Trịnh Hữu S, Đặng Ngọc D về việc xin giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử nhận thấy: Khi lượng hình và quyết định hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định mức hình phạt 08 năm tù đối với bị cáo S và 06 năm tù đối với bị cáo D là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới được quy định tại Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng đối với các bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo. Đối với lý do các bị cáo là lao động chính, cả hai vợ chồng đều bị xử phạt tù nên không còn ai lo cho con, nuôi cha mẹ già, các lý do này sẽ được xem xét tại giai đoạn thi hành án.

[6] Từ những nhận định, phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận đề

nghị của đại diện Viện kiểm sát; chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố S; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

[8] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 342; khoản 1 Điều 348; Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với một phần kháng nghị của Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-VKS-TPST ngày 02/6/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố S về việc tăng hình phạt đối với các bị cáo Trịnh Hữu S, Đặng Ngọc D và không áp dụng điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Đặng Ngọc D.

Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-VKS-TPST ngày 02/6/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, về việc không áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo Trịnh Hữu S, Đặng Ngọc D.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trịnh Hữu S, Đặng Ngọc D về việc xin giảm nhẹ hình phạt.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2022/HS-ST ngày 19/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng về hình phạt như sau.

2. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trịnh Hữu S.

Xử phạt bị cáo Trịnh Hữu S 08 (Tám) năm tù về tội “Buôn bán hàng cấm”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/6/2021.

3. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 190; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Đặng Ngọc D.

Xử phạt bị cáo Đặng Ngọc D 06 (Sáu) năm tù về tội “Buôn bán hàng cấm”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/6/2021.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Các bị cáo Trịnh Hữu S, Đặng Ngọc D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

5. Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- Trại Tạm giam-Công an tỉnh Sóc Trăng (02);
- TAND thành phố S (02);
- VKSND thành phố S (01);
- CQĐT-Công an thành phố S (01);
- CQTHAHS-Công an thành phố S (02);
- Chi cục THADS thành phố S (01);
- Bị cáo (02);
- CQTHAHS-Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Sơ Tư pháp tỉnh Sóc Trăng (01);
- PKTNV-THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HS, THS (04);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Phan Lê Vũ Huy Hoàng